

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ UÔNG BÍ
TỈNH QUẢNG NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 13 - 5 - 2024

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ UÔNG BÍ, TỈNH QUẢNG NINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Thanh Hải.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Phạm Thị Dung.

2. Ông Thái Quang Định.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Phạm Văn Thắng -Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Mai Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 85/2023/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2023 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2024/QĐXXST – HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 08/2024/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1982.

Địa chỉ: tổ 18A, khu 9, phường B, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt tại phiên tòa (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: anh Đoàn Văn Đ, sinh năm 1983.

Địa chỉ: tổ 18A, khu 9, phường B, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 07 tháng 4 năm 2023, bản tự khai ngày 21 tháng 11 năm 2023, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L và anh Đoàn Văn Đ kết hôn ngày 18 tháng 7 năm 2007, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh, hai bên kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Trong quá trình chung sống, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp tính nhau, bất đồng về quan điểm sống, anh Đ mải chơi, uống nhiều rượu, không quan tâm chăm lo cho gia đình, từ nguyên nhân này mà cuộc sống vợ chồng thường xuyên cãi nhau khiến gia đình căng thẳng. Mâu thuẫn đã được gia đình nội, ngoại khuyên can, hòa giải và bản thân chị L đã nhắc nhở nhiều lần anh Đ không sửa đổi tính cách, Do không thể chịu đựng được cuộc sống chung với anh Đ nên chị L đã chuyển về nhà mẹ để sống từ năm 2021 đến nay, trong thời gian sống ly thân từ năm 2021 đến nay, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau, việc ai người ấy làm. Nay chị L xác định không còn tình cảm và không thể duy trì quan hệ hôn nhân với anh Đ nữa nên đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí giải quyết cho được ly hôn với anh Đoàn Văn Đ.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị L và anh Đoàn Văn Đ có 02 con chung là Đoàn Ngọc Phi Y, sinh ngày 24/11/2007 và Đoàn Ngọc Thu T, sinh ngày 15 tháng 11 năm 2009. Nếu ly hôn, chị L đề nghị Tòa án giao cả hai con chung cho chị L trực tiếp nuôi và không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi 02 con chung.

Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày ngày 06 tháng 3 năm 2024, quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Đoàn Văn Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Sự kiện kết hôn như chị L trình bày là đúng. Trong quá trình chung sống, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp tính nhau, bất đồng về quan điểm sống, anh Đ thừa nhận có mải chơi và uống nhiều rượu, từ nguyên nhân này mà vợ chồng thường xuyên cãi nhau khiến gia đình căng thẳng. Anh Đ và chị L đã sống ly thân từ năm 2021 đến nay và không còn quan tâm đến nhau. Nay chị L có đơn xin ly hôn với anh Đ, anh Đ không đồng ý ly hôn với lý do vẫn còn thương vợ, thương con và níu kéo hạnh phúc gia đình.

Về con chung: Anh Đ và chị L có 02 con chung như chị L trình bày là đúng, nếu ly hôn anh Đ đồng ý với quan điểm của chị L, giao cả 02 con chung cho chị L trực tiếp nuôi và anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi 02 con chung.

Về tài sản: Anh Đoàn Văn Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản ghi ý kiến con chung của đương sự ngày 06/3/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, cháu Đoàn Ngọc Phi Y, sinh ngày 24/11/2007 và cháu Đoàn Ngọc Thu T, sinh ngày 15/11/2009 là con chung của chị L và anh Đ có nguyện vọng nếu Tòa án giải quyết cho bố mẹ các cháu được ly hôn thì nguyện vọng của cháu Yến và cháu T đều muốn được ở với chị L.

Tại biên bản xác minh ngày 29 tháng 02 năm 2024, bà Đặng Thị H là mẹ của chị Nguyễn Thị L cung cấp thông tin: Trong cuộc sống vợ chồng của chị L và anh Đ có nhiều mâu thuẫn xảy ra, nguyên nhân là do anh Đ chơi bời, không quan tâm chăm lo cho gia đình, bà H đã khuyên bảo anh Đ nhiều lần nhưng anh Đ không sửa đổi tính cách, chị L và anh Đ đã sống ly thân từ lâu, cụ thể năm 2021 chị L về ở với bà H. Nay chị L có đơn xin ly hôn với anh Đ, bà H đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại biên bản xác minh ngày 01 tháng 3 năm 2024, đại diện chính quyền khu 9, phường Bắc Sơn, thành phố Uông Bí cung cấp thông tin không nắm được mâu thuẫn vợ chồng của chị L và anh Đ. Chính quyền khu chỉ biết hiện nay chị L và anh Đ không còn sống chung với nhau nữa.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án các đương sự đã được tiếp cận và không có ý kiến gì, về nội dung vụ án, các đương sự không thống nhất được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Tại đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, chị Nguyễn Thị L giữ nguyên quan điểm như trong đơn khởi kiện. Anh Đoàn Văn Đ được Tòa án triệu tập họp lệ đến tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí phát biểu ý kiến:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án cơ bản đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan về thụ lý vụ việc; việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải cũng như các thủ tục tố tụng khác.

Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan về việc xét xử vụ án.

Các đương sự cơ bản đã chấp hành đúng pháp luật theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, tại phiên tòa ngày 26/4/2024, bị đơn vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử phải hoãn phiên tòa, đến phiên tòa ngày 13/5/2024, bị đơn tiếp tục vắng mặt không có lý do, gây ảnh hưởng đến quá trình xét xử vụ án.

Về nội dung vụ án: Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xét thấy chị L và anh Đ có mâu thuẫn trầm trọng, không còn chung sống với nhau, không quan tâm đến nhau nên mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị L có yêu cầu ly hôn, mặc dù anh Đ không đồng ý ly hôn nhưng cũng không có biện pháp gì để hàn gắn hôn nhân, nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị

giải quyết cho chị L được ly hôn anh Đ, giao con chung Đoàn Ngọc Phi Y, sinh ngày 24/11/2007 và Đoàn Ngọc Thu T, sinh ngày 15 tháng 11 năm 2009 cho chị L trực tiếp nuôi, anh Đoàn Văn Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung, về tài sản chung: các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không đề cập.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến của các đương sự, đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn giữa chị Nguyễn Thị L và anh Đoàn Văn Đ đều có địa chỉ tại thành phố Uông Bí và nguyên đơn khởi kiện tại Tòa án thành phố Uông Bí là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị L có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, bị đơn anh Đoàn Văn Đ vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, căn cứ khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 và điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung cần giải quyết của vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Nguyễn Thị L và anh Đoàn Văn Đ có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền nên là hôn nhân hợp pháp. Căn cứ lời khai của đương sự quá trình giải quyết vụ án cũng như lời khai tại phiên tòa, tài liệu tòa án thu thập được, Hội đồng xét xử nhận định nguyên nhân mâu thuẫn giữa các đương sự là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, anh Đ mãi chơi, uống nhiều rượu, không quan tâm chăm lo cho gia đình, từ đó cuộc sống vợ chồng căng thẳng và không hạnh phúc, từ nguyên nhân này dẫn đến vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2021 đến nay, trong thời gian sống ly thân, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau, việc ai người ấy làm. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Đ có ý kiến không đồng ý ly hôn với chị L với lý do vẫn còn thương vợ, thương con và muốn níu kéo tình cảm, nhưng kể từ khi vợ chồng sống ly thân từ năm 2021 đến nay, anh Đ không có biện pháp nào hàn gắn tình cảm vợ chồng nên chị L cương quyết xin ly hôn với anh Đ để ổn định cuộc sống. Như vậy, có cơ sở xác định mâu thuẫn vợ chồng chị L và anh Đ đã trầm trọng, cuộc sống chung không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được và không thể kéo dài nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L với anh Đ là hoàn toàn có cơ sở, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Đối với quan điểm không đồng ý ly hôn của anh Đ chỉ mang tính chất giàng buộc, gây khó khăn cho chị L nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về con chung:

Các đương sự có 02 con chung là Đoàn Ngọc Phi Y, sinh ngày 24/11/2007 và Đoàn Ngọc Thu T, sinh ngày 15/11/2009. Chị L nhận nuôi cả 02 con chung và không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi 02 con chung, anh Đ đồng ý với quan điểm của chị L, đồng thời nguyện vọng của cháu Y và cháu T đều mong muốn ở với chị L nếu Tòa án giải quyết cho chị L và anh Đ được ly hôn. Vì vậy Hội đồng xét xử giao con chung Đoàn Ngọc Phi Y và Đoàn Ngọc Thu T cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp nuôi là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Anh Đoàn Văn Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Sau khi ly hôn, quyền và nghĩa vụ của đương sự đối với con chung theo quy định của pháp luật.

[2.3] Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị L và anh Đoàn Văn Đ không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử xem xét giải quyết.

[2.4] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị L phải chịu theo quy định.

[3] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; điểm a, b khoản 1 Điều 238; khoản 4 Điều 147; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận đơn khởi kiện ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn của chị Nguyễn Thị L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Đoàn Văn Đ.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung Đoàn Ngọc Phi Y, sinh ngày 24/11/2007 và Đoàn Ngọc Thu T, sinh ngày 15/11/2009 cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp nuôi dưỡng kể từ tháng 5 năm 2024 cho đến khi cả hai con chung thành niên (đủ 18 tuổi).

Anh Đoàn Văn Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung Đoàn Ngọc Phi Y và Đoàn Ngọc Thu T.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, đồng thời không được lạm dụng việc thăm

nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Chị L được trừ án phí bằng tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0002510 ngày 09 tháng 10 năm 2023 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh.

4. Về quyền kháng cáo:

Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt nguyên đơn chị Nguyễn Thị L và bị đơn anh Đoàn Văn Đ, báo cho họ biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Phạm Thị Dung

Thái Quang Định

Nguyễn Thanh Hải

